TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: **26/4/2018**
V/v: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hiếu.
Ông Võ Hồng Đằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tuấn Anh – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 765/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đinh Hùng Trí Đ**, sinh năm 1984.
HKTT: Ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Chị **Trần Thị Tuyết S**, sinh năm 1986.
HKTT: Ấp C, xã P, huyện N, Đồng Nai.
Nơi làm việc: Trường mầm non P - Ấp T, xã P, huyện N, Đồng Nai.
(anh Đ, chị S có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2017, bản tự khai ngày 25/12/2017, biên bản làm việc ngày 16/01/2018, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/01/2018, 16/01/2018 và tại phiên tòa hôm nay, anh Đinh Hùng Trí Đ trình bày:

Vào năm 2010, thông qua bạn bè giới thiệu anh quen biết chị S. Sau thời gian tìm hiểu 01 năm thì anh chị quyết định tiến tới hôn nhân. Do mâu thuẫn giữa hai bên gia đình, anh chị không tổ chức đám cưới nhưng vẫn chung sống với nhau như vợ chồng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cũng ly thân từ thời gian này. Đến

năm 2016, do muốn hàn gắn với chị S nên anh chị có con chung. Sau khi có con chung, anh chị không ai thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết nên tiếp tục ly thân, chỉ gặp nhau khi có công việc. Đến năm 2017, anh chị mới đăng ký kết hôn vì đây chỉ là thủ tục để sau này cháu Đinh Ngọc Huyền T đi học.

Nay anh nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không còn ai quan tâm chăm sóc đến ai, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Đinh Ngọc Huyền T, sinh ngày: 15/12/2016. Ly hôn anh đồng ý giao con cho chị Sương nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng. Chị Sương yêu cầu anh cấp dưỡng một lần nếu mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng, trường hợp cấp dưỡng hàng tháng thì chị yêu cầu 5.000.000đ/tháng, anh không đồng ý vì mức lương hiện nay của anh không có khả năng cấp dưỡng một lần cũng như cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng. Việc chị S yêu cầu giám định ADN đối với cháu T để xác định là con chung, anh không đồng ý vì anh và chị Sương đều thừa nhận cháu T là con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 25/12/2017, biên bản làm việc ngày 16/01/2018, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/01/2018, 16/01/2018 và tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Tuyết S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thông qua bạn bè giới thiệu, chị và anh Đ quen biết nhau vào năm 2010. Đến năm 2011, anh chị chung sống với nhau, nhưng không tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Đến năm 2016, khi có con chung thì mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào tháng 7/2017.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn từ việc anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên hôn nhân anh chị không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 5/2016 đến nay. Tại phiên tòa, chị S trình bày anh chị chung sống không có mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 5/2016 đến nay, nhưng vì còn thương chồng, thương con nên chị không đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Đinh Ngọc Huyền T, sinh ngày: 15/12/2016. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng, nhưng chị đề nghị cấp dưỡng một lần (đưa tiền cấp dưỡng cho chị hai lần vào năm 2018). Tại phiên tòa, chị trình bày bổ sung, trường hợp anh Đ không đồng ý cấp dưỡng một lần thì chị yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng hàng tháng là 5.000.000đ/tháng. Đồng thời, chị yêu cầu giám định ADN đối với cháu T, vì anh Đ và gia đình anh Đ không thừa nhận cháu T là con chung của anh chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Đ là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho anh Đ được ly hôn với chị S. Về con chung: Giao con chung cho chị S nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Anh Đ phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Đinh Hùng Trí Đ nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Tuyết S, sinh năm: 1986, hộ khẩu thường trú và sinh sống: Ấp C, xã P, huyện N, Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Tranh chấp ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh Đinh Hùng Trí Đ nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đ và chị S tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã P cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 215 ngày 19/7/2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Đ tiếp tục xin ly hôn với chị S vì anh nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc.

Tại biên bản làm việc ngày 16/01/2018, chị S có trình bày do anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc, nhưng vì con còn nhỏ và chị còn tình cảm với anh Đ nên chị không đồng ý ly hôn, tại phiên tòa hôm nay chị chỉ đồng ý ly hôn khi con chung đủ 3 tuổi.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để anh Đ, chị S hàn gắn, đoàn tụ nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến như trên. Đồng thời, chị S và anh Đ đều trình bày anh chị đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa anh Đ, chị S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu ly hôn với chị S là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có một con chung là cháu Đinh Ngọc Huyền T, sinh ngày: 15/12/2016, từ khi sinh cháu cho đến nay chị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và quá trình làm việc tại Tòa, anh chị đồng ý giao cháu Huyền T cho chị S nuôi dưỡng nên Tòa án chấp nhận giao con chung cho chị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Việc chị S yêu cầu giám định ADN đối với cháu T để xác định là con chung, Tòa án xét yêu cầu của chị S là không cần thiết vì anh Đ và chị S đều thừa nhận cháu T là con chung.

3.3 - Về cấp dưỡng:

Anh Đ đồng ý cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng và chị S cũng thống nhất mức cấp dưỡng này, tuy nhiên anh Đ chỉ đồng ý cấp dưỡng hàng tháng còn chị S yêu cầu cấp dưỡng một lần, tại phiên tòa chị S yêu cầu nếu anh Đ cấp dưỡng hàng tháng thì yêu cầu cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng. Xét việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của anh Đ và chị S, đồng thời căn cứ vào mức lương của anh Đ và căn cứ vào mức lương của chị S cũng như mức lương tối thiểu vùng tại huyện N, nên buộc anh Đ phải cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng là phù hợp và đảm bảo cho sự phát triển của cháu Đinh Ngọc Huyền T.

3.4 - Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, anh Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 220, 227, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 118 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Hùng Trí Đ về việc *"Tranh chấp ly hôn"* với chị Trần Thị Tuyết S.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Hùng Trí Đ được ly hôn với chị Trần Thị Tuyết S.

Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc Huyền T, sinh ngày: 15/12/2016 cho chị Trần Thị Tuyết S nuôi dưỡng, anh Đinh Hùng Trí Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng kể từ ngày tuyên án 26/4/2018 cho đến khi cháu Đinh Ngọc Huyền T đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Đinh Hùng Trí Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán tiền cấp dưỡng hàng tháng, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Đinh Hùng Trí Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 007681 ngày 18/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Đinh Hùng Trí Đ còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương